

Bản án số: 109/2025/HS-ST

Ngày 09 tháng 10 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Bách.

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Bích Liễu;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Dũng;

Ông Trần Văn Lý;

Ông Võ Bình Tân.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngô Thị Trúc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Nam Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2025/TLST-HS ngày 17/6/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2025/QĐXXST-HS ngày 25/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/HSST-QĐ ngày 26/9/2025, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THUY THU T, sinh năm: 1978 tại tỉnh: Khánh Hòa; Giới tính: Nữ;

Nơi đăng ký thường trú: số X T, phường A, quận G, thành phố Hồ Chí Minh;

Nay là: X T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số X S, tổ Y, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Nay là: Số X S, tổ Y, phường T, tỉnh Khánh Hòa.

Nghề nghiệp: Nguyên quản lý cửa hàng xe máy Nguyễn Tiến; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị L (Đã chết); Chồng là: Nguyễn Văn S và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2020); Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Tạm giữ: Không, Tạm giam: 13/9/2023.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thụy Thu T:* Luật sư Nguyễn Văn H, thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

2. TRẦN THANH N2, sinh năm: 1994, tại tỉnh Khánh Hòa; Giới tính: Nữ;
Nơi cư trú: Tổ A L, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;

Nay là: Tổ A L, phường T, tỉnh Khánh Hòa;

Nghề nghiệp: Nguyên nhân viên tín dụng Công ty tài chính TNHH Ngân hàng V;
Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Trần Quang Đ và bà Huỳnh Thị Thanh P; Chồng là: Trần Vũ A và 02 người con (lớn nhất sinh năm 2020, nhỏ nhất sinh năm 2025); Tiền án, Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Tạm giữ, Tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh N2:* Luật sư Lê Văn T14, thuộc Văn phòng Luật sư Lê Văn T14 & Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V;
Địa chỉ trụ sở: Tầng A, tòa nhà R, số X, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh N – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của bà N: Bà Nguyễn Thị Thúy Ng – Giám đốc Trung tâm an ninh – Khôi quản trị rủi ro. (Văn bản ủy quyền ngày 26/6/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm: 1976;
Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà R, số X, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2025)

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng: (Điều vắng mặt tại phiên tòa).*

1. Bà Trần Thị Thoại M, sinh năm: 1995;
Nơi cư trú: Tổ X, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Tổ X, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

2. Bà Huỳnh Thị Kim V, sinh năm: 1990;
Nơi cư trú: Thôn V, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn V, phường B, tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Ngô Phước T13, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn X, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Thôn X, phường T, tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông Phan Tấn Ph, sinh năm: 1996;

Nơi cư trú: P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Nguyễn Phi H2, sinh năm: 1995;

Nơi cư trú: Tổ A, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: A, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

6. Ông Lê Tiên Đ, sinh năm: 2000;

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Tổ dân phố Đ, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

7. Ông Nguyễn Hoàng Nh1, sinh năm: 2000;

Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Thôn N, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

8. Bà Nguyễn Thị Bạch M1, sinh năm: 1966;

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Thôn T, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

9. Ông Ngô Quốc C, sinh năm: 2000;

Nơi cư trú: Thôn kinh tế mới, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Thôn kinh tế mới, xã S, tỉnh Khánh Hòa.

10. Ông Nguyễn Hùng Gia L, sinh năm: 2000;

Nơi cư trú: X, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: X, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

11. Ông Nguyễn Sơn T1, sinh năm: 1991;

Nơi cư trú: X, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: X, phường Nam N, tỉnh Khánh Hòa.

12. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1973;

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.

13. Ông Trần Văn V, sinh năm: 2001;

Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

14. Bà Đỗ Hoàng Kim N1, sinh năm: 2004;

Nơi cư trú: X, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: X, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

15. Ông Lê Đăng T3, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn X, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
16. Ông Võ Gia H3, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
17. Ông Lê Ngọc H4, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn T, xã X, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, xã N, tỉnh Khánh Hòa.
18. Ông Lê Công An V2, sinh năm: 2003;
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn Đ, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
19. Ông Nguyễn Hoài V3, sinh năm: 2005;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
20. Ông Lý Thanh T4, sinh năm: 1999;
Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn X, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
21. Bà Huỳnh Nguyễn Hồng N3, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: P, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Tổ P, phường Tây N, tỉnh Khánh Hòa.
22. Ông Nguyễn Quốc H5, sinh năm: 2003;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
23. Ông Ngũ Tấn P1, sinh năm: 2004;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
24. Bà Trần Ngọc Thùy Tr1, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
25. Ông Nguyễn Đình Anh K1, sinh năm: 2003;
Nơi cư trú: Tổ X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Tổ X, xã D, tỉnh Khánh Hòa.
26. Ông Nguyễn Gia H6, sinh năm: 2003;
Nơi cư trú: Tổ X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Nay là: Tổ X, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

27. Ông Nguyễn Thanh A, sinh năm: 1999;
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

28. Ông Nguyễn Hải Minh Kh1, sinh năm: 2005;
Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa .
Nay là: Tổ dân phố Đ, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

29. Ông Nguyễn Tấn H7, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: thôn L, phường Bắc N, tỉnh Khánh Hòa.

30. Ông Hồ Quốc A1, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

31. Ông Ngô Thiên V3, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

32. Ông Lê Minh T5, sinh năm: 2002;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

33. Ông Huỳnh Thành A2, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

34. Ông Nguyễn Phi N4, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

35. Ông Nguyễn Tuấn T6, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn M, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn M, xã S, tỉnh Khánh Hòa.

36. Ông Nguyễn Huy T7, sinh năm: 2003;
Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

37. Ông Phạm Quốc H8, sinh năm: 2001;
Nơi cư trú: Tổ 10 S, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Tổ 10, phường Bắc N, tỉnh Khánh Hòa.

38. Bà Nguyễn Hà Thu T8, sinh năm: 2000;

Nơi cư trú: Thôn X, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn X, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

39. Ông Võ Thiện T9, sinh năm: 2003;
Nơi cư trú: Thôn N, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn N, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

40. Ông Trần Minh T10, sinh năm: 1998;
Nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Tổ dân phố P, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

41. Ông Nguyễn Đức T11, sinh năm: 1971;
Nơi cư trú: Thôn T, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

42. Ông Đặng Văn D3, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, phường Bắc N, tỉnh Khánh Hòa.

43. Bà Hồ Thị Phương T12, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn G, xã S, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn G, xã S, tỉnh Khánh Hòa.

44. Ông Trương Vũ H9, sinh năm: 2000;
Nơi cư trú: Thôn T, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, xã D, tỉnh Khánh Hòa.

45. Ông Nguyễn Minh Q2, sinh năm: 1996;
Nơi cư trú: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: Thôn T, xã H, tỉnh Khánh Hòa.

46. Bà Lữ Thị Thu H10, sinh năm: 1994;
Nơi cư trú: X, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: X, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

47. Ông Nguyễn A3, sinh năm: 1992;
Nơi cư trú: X, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.
Nay là: X, phường N, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V (gọi tắt là Công ty) là Công ty hoạt động dịch vụ tài chính được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí

Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, do ông Lô Bằng G (Nay là bà Nguyễn Thị Minh N) là người đại diện theo pháp luật.

Cửa hàng xe máy Nguyễn Tiến của ông Nguyễn Văn Th2 (gọi tắt là Cửa hàng), địa chỉ: 33 Trần Quý Cáp, N, Khánh Hòa, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa cấp với ngành nghề kinh doanh: Mua bán xe máy do Nguyễn Thụy Thu T (con ruột ông Thuận) trực tiếp quản lý kinh doanh.

Ngày 01/11/2019, Công ty ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh kèm theo các phụ lục hợp đồng, quy tắc ứng xử về việc cấp tín dụng cho những khách hàng mua xe máy trả góp với Cửa hàng; số tiền vay vốn sẽ được giải ngân vào tài khoản 4701205200356, mở tại ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Thụy Thu T.

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, lợi dụng sơ hở trong quá trình vay vốn mua xe máy cũ trả góp của Công ty, mặc dù không có xe máy trên thực tế nhưng với sự giúp sức của Trần Thanh N2 (nhân viên tư vấn tín dụng Công ty) cùng một số đối tượng, T đã lập “khống” đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm đề nghị, kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và cấp tín dụng qua thẻ bằng phương tiện điện tử (viết tắt là Hợp đồng vay vốn) đối với sản phẩm là xe máy cũ trả góp. T đã cấu kết với các đối tượng Nhữ Văn Th3, Trịnh Ngọc Tr, Nguyễn Trọng Ph sử dụng nhiều hình thức khác nhau như: Quảng cáo trúng thưởng, mở thẻ tín dụng, vay trả góp,... để tìm những người dân (chủ yếu dưới 20 tuổi) đưa đến Cửa hàng để thu thập thông tin cá nhân. Khi người dân mang giấy tờ cá nhân, sổ hộ khẩu đến cửa hàng, các đối tượng sẽ tiến hành chụp các giấy tờ trên rồi sau đó sử dụng phương tiện điện tử để chỉnh sửa thông tin (năm sinh, số CMND) người dân trên hình ảnh các giấy tờ cá nhân, sổ hộ khẩu đã được chụp nhằm mục đích đủ điều kiện được vay vốn theo quy định của Công ty (từ đủ 20 đến dưới 60 tuổi) và cung cấp sim “rác” cho người dân để gắn vào máy điện thoại di động nhằm đối phó với hệ thống Công ty điện thoại xác minh nhằm chiếm đoạt tiền giải ngân của Công ty với phương thức và thủ đoạn cụ thể như sau:

Các đối tượng sẽ liên lạc với nhân viên của Công ty đến Cửa hàng để lập hợp đồng vay vốn. Nhân viên của Công ty sẽ thao tác trên ứng dụng vay vốn; sử dụng điện thoại để chụp lại các hình ảnh giấy tờ cá nhân, sổ hộ khẩu đã qua chỉnh sửa của người dân; nhập thông tin xe máy không có thực tại thời điểm lập hợp đồng (đã bán cho người khác, đã sang tên/chuyển tỉnh,...) trên ứng dụng vay vốn; sử dụng điện thoại để chụp lại hình ảnh các Chứng nhận đăng ký xe được lưu tại Cửa hàng rồi sau đó chụp hình ảnh chân dung của người dân để xác nhận việc lập hợp đồng vay vốn.

Khi hệ thống duyệt vay, các đối tượng trả số tiền từ 02 đến 10 triệu đồng mỗi trường hợp cho người dân đứng tên trong hợp đồng vay vốn tại Cửa hàng, không có việc giao nhận xe máy trên thực tế. Khoảng 01 ngày sau, khi Công ty chuyển số tiền

giải ngân vay vốn mua xe đến tài khoản 4701205200356 mở tại ngân hàng Agribank của T; T đã chuyển tiền cho N2 số tiền là 4.000.000 đồng/01 bộ hồ sơ vào tài khoản 135373672 của N2 mở tại ngân hàng VP Bank.

Với cách thức như trên, từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 cùng một số đối tượng lập “khổng” 45 hợp đồng vay vốn để chiếm đoạt tiền giải ngân là 1.749.000.000 đồng của Công ty. Trong đó Trần Thanh N2 trực tiếp tham gia tạo lập 39 hợp đồng vay vốn không (từ số 01 - số 39), gây thiệt hại cho Công ty với tổng số tiền 1.443.000.000 đồng. Cụ thể:

1. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210621-7973936 ngày 21/6/2021 mang tên người vay vốn Trần Thị Thoại M, địa chỉ: Tổ X, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

2. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210625-5905799 ngày 25/6/2021 mang tên người vay vốn Huỳnh Thị Kim V, địa chỉ: V, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 33.000.000 đồng.

3. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210928-4952668 ngày 28/9/2021 mang tên người vay vốn Ngô Phước T13, địa chỉ: X, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

4. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210928-2953261 ngày 28/9/2021 mang tên người vay vốn Phan Tấn Ph, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

5. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210928-7948873 ngày 28/9/2021 mang tên người vay vốn Nguyễn Phi H2, địa chỉ: Tổ A, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

6. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210929-5964300 ngày 29/9/2021 mang tên người vay vốn là Lê Tiến Đ, địa chỉ: Tổ dân phố DD, thị trấn D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

7. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210929-5972794 ngày 29/9/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Hoàng Nh1, địa chỉ: Thôn N, S, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

8. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20210930-4982271 ngày 30/9/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Thị Bạch M1, địa chỉ: T, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

9. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211001-9991319 ngày 01/10/2021 mang tên người vay vốn là Ngô Quốc C, địa chỉ: Thôn Kinh tế mới, S, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

10. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211001-5992020 ngày 01/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Hùng Gia L, địa chỉ: X, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

11. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211002-5908426 ngày 02/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Sơn T1, địa chỉ: X, P, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

12. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211004-8943507 ngày 04/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Văn T2, địa chỉ: T, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

13. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211006-4984342 ngày 06/10/2021 mang tên người vay vốn là Trần Văn V, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

14. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211007-9903774 ngày 07/10/2021 mang tên người vay vốn là Đỗ Hoàng Kim N1, địa chỉ: 31/4/12, Thái Nguyên, Phước Tân, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

15. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211008-5918016 ngày 08/10/2021 mang tên người vay vốn là Lê Đăng T3, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

16. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211009-9950950 ngày 09/10/2021 mang tên người vay vốn là Võ Gia H3, địa chỉ: P, thị trấn D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

17. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211009-3951687 ngày 09/10/2021 mang tên người vay vốn là Lê Ngọc H4, địa chỉ: T, N, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

18. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211011-2984568 ngày 11/10/2021 mang tên người vay vốn là Lê Công Anh V2, địa chỉ: Thôn Đ, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

19. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211013-1929124 ngày 13/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Hoài V3, địa chỉ: Tổ P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

20. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211013-2927228 ngày 13/10/2021 mang tên người vay vốn là Lý Thanh T4, địa chỉ: Thôn X, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

21. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211015-3970030 ngày 15/10/2021 mang tên người vay vốn là Huỳnh Nguyễn Hồng N3, địa chỉ: Tổ P, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

22. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211016-9986645 ngày 16/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Quốc H5, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

23. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211016-5986250 ngày 16/10/2021 mang tên người vay vốn là Ngũ Tấn P1, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

24. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211017-0994952 ngày 17/10/2021 mang tên người vay vốn là Trần Ngọc Thùy Tr1, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

25. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211018-5911885 ngày 18/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Đình Anh K1, địa chỉ: Tổ 29 P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

26. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211018-6910375 ngày 18/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Gia H6, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

27. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211018-3915915 ngày 18/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Thanh A, địa chỉ: T, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

28. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211019-0925718 ngày 19/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Hải Minh, địa chỉ: Đ, thị trấn D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

29. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211019-7934102 ngày 19/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Tấn H7, địa chỉ: L, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

30. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211019-7931279 ngày 19/10/2021 mang tên người vay vốn là Hồ Quốc A1, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

31. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211019-2926324 ngày 19/10/2021 mang tên người vay vốn là Ngô Thiên V3, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

32. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211021-3957056 ngày 21/10/2021 mang tên người vay vốn là Lê Minh T5, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

33. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211027-2932898 ngày 27/10/2021 mang tên người vay vốn là Huỳnh Thành A2, địa chỉ: T, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

34. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211021-0954126 ngày 21/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Phi N4, địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

35. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211021-0956663 ngày 21/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Tuấn T6, địa chỉ: M, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

36. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211022-4968838 ngày 22/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Huy T7, địa chỉ: T, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

37. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211023-9982623 ngày 23/10/2021 mang tên người vay vốn là Phạm Quốc H8, địa chỉ: Tổ X, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

38. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211027-1931687 ngày 27/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Hà Thu T8, địa chỉ: Thôn X, D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

39. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211028-0947039 ngày 28/10/2021 mang tên người vay vốn là Võ Thiện T9, địa chỉ: Thôn N, S, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng.

40. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211003-1924641 ngày 03/10/2021 mang tên người vay vốn là Trần Minh T10, địa chỉ: P, thị trấn D, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng (Hợp đồng do nhân viên tư vấn tín dụng Nguyễn Lữ Thu H11 đứng tên tạo lập).

41. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211006-6988904 ngày 06/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Đức T11, địa chỉ: Thôn T, S, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng (Hợp đồng do nhân viên tư vấn tín dụng Nguyễn Lữ Thu H11 đứng tên tạo lập).

42. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211011-6983154 ngày 11/10/2021 mang tên người vay vốn là Đặng Văn, địa chỉ: thôn T, V, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng (Hợp đồng do nhân viên tư vấn tín dụng Nguyễn Lữ Thu H11 đứng tên tạo lập).

43. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211018-4908640 ngày 18/10/2021 mang tên người vay vốn là Hồ Thị Phương T12, địa chỉ: G, S, D, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng (Hợp đồng do nhân viên tư vấn tín dụng Nguyễn Lữ Thu H11 đứng tên tạo lập).

44. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211018-6911488 ngày 18/10/2021 mang tên người vay vốn là Trương Vũ H9, địa chỉ: T 2, thị trấn D, D,

Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng (Hợp đồng do nhân viên tư vấn tín dụng Nguyễn A3 đứng tên tạo lập).

45. Hợp đồng vay vốn mua trả góp xe máy cũ số 20211024-2992529 ngày 24/10/2021 mang tên người vay vốn là Nguyễn Minh Q2, địa chỉ: T, N, N, Khánh Hòa với số tiền là 39.000.000 đồng (Hợp đồng do nhân viên tư vấn tín dụng Trần Thanh S1 đứng tên tạo lập).

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị Tố H12 là nhân viên của Công ty giao nộp 01 điện thoại di động chứa 23 file hình ảnh được chụp tại Cửa hàng xe máy Nguyễn Tiến cho Cơ quan điều tra, thông tin trên hình ảnh bản chụp các Hợp đồng này là trùng khớp với các thông tin do Trần Thanh N2 lập tại các Hợp đồng vay vốn mua xe máy cũ trả góp được lập không mà Cơ quan điều tra đã thu thập từ trước.

Tại Bản kết luận giám định số 856 ngày 11/7/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng xác định: 23 file hình ảnh trong điện thoại của bà Nguyễn Thị Tố H12 được chụp tại Cửa hàng xe máy Nguyễn Tiến không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại Bản kết luận giám định số 391 ngày 29/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa xác định: Chữ viết, chữ ký qua sao chụp trên các Hợp đồng mua bán xe máy (file hình ảnh được trích xuất từ điện thoại của bà Nguyễn Thị Tố H12) so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thụy Thu T là của cùng một người.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật: 01 điện thoại Iphone 13 ProMax màu xanh dương, sau đó đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị Tố H12.

Trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 đã bồi thường, khắc phục cho Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V số tiền 328.000.000 đồng (T 100.000.000 đồng; N2 228.000.000 đồng).

* Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKSKH-P1 ngày 03/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống nội dung của cáo trạng. Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T khai nhận, có làm hồ sơ khống để rút tiền của Công ty nhưng bị cáo không sử dụng một mình mà chuyển cho nhiều người khác, bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền này nên thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội;

Bị cáo Trần Thanh N2 thừa nhận đã làm sai quy trình của Công ty, giúp bị cáo T chiếm đoạt tiền của Công ty, được bị cáo T chuyển cho 148 triệu đồng từ tháng 9 năm 2021, không nhận tiền của 2 trường hợp vào tháng 6 năm 2021;

Đại diện hợp pháp của bị hại (tại bản trình bày ý kiến ngày 02/10/2025): Xác định nội dung vụ án giống như cáo trạng đã nêu, yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại còn lại là 1.421.000.000 đồng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:*

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến quyền sở hữu tài sản, uy tín của Công ty. Bị cáo T là chủ mưu, cầm đầu, bị cáo N2 là đồng phạm giúp sức.

Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “Bồi thường thiệt hại, khắc phục một phần hậu quả”; Bị cáo N2 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; Các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 bị áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thụy Thu T từ 12 năm – 13 năm tù.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo Trần Thanh N2 từ 08 - 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tiền chiếm đoạt cho bị hại. Tiếp tục tạm giữ 328 triệu của các bị cáo giao nộp để đảm bảo thi hành án.

** Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh N2: Luật sư Lê Văn T14 trình bày ý kiến:*

Bị cáo N2 là đồng phạm giúp sức bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo N2 được T chia cho 148 triệu đồng. Bị cáo N2 có sai phạm trong 39 hồ sơ vay vốn. Mức án đối với bị cáo N2 là cao. Đề nghị mức khởi điểm của khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự, mức án 07 năm tù. Bị cáo có con nhỏ, mới được 02 tháng tuổi.

- *Bị cáo N2 trình bày:* Bị cáo biết hành vi của mình là sai, do áp lực doanh số. Con bị cáo còn nhỏ, đã khắc phục hậu quả, xin được giảm nhẹ hình phạt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thụy Thu T:* Luật sư Nguyễn Văn H trình bày ý kiến:

Tội danh đối với bị cáo T không có tranh luận. Đề nghị xem xét vai trò của bị cáo T trong trường hợp lừa đảo chiếm đoạt tiền của công ty tài chính với vai trò cầm đầu là không phù hợp. Đối với lần phạm tội thứ nhất và thứ hai chưa chứng minh được. Bị cáo N2 giúp sức gây thiệt hại 1.443.000.000 đồng. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục được 100 triệu đồng, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có con nhỏ bị bệnh bẩm sinh, theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Đề nghị giảm nhẹ mức án của bị cáo dưới khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

- *Bị cáo nói lời sau cùng:* Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt: Ông Nguyễn Hữu H là đại diện theo ủy quyền của bị hại và 47 người làm chứng dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Ông Hùng có đơn xin xét xử vắng mặt và gửi bản trình bày ý kiến.

Xét thấy: Sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[3] Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo được đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng và các

chứng cứ, tài liệu thu thập tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa nhận thấy là phù hợp, có đủ cơ sở xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2021 đến tháng 10/2021, Nguyễn Thụy Thu T đã lập không 45 hồ sơ vay vốn mua xe máy trả góp để chiếm đoạt số tiền 1.749.000.000 đồng của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V; Trần Thanh N2 đã giúp Nguyễn Thụy Thu T lập không 39/45 hồ sơ nói trên, gây thiệt hại cho Công ty với số tiền 1.443.000.000 đồng, được hưởng lợi số tiền là 148.000.000 đồng.

Xét việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đối với bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật để nhằm răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 bị áp dụng tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Bồi thường một phần thiệt hại về dân sự; Bị cáo Trần Thanh N2 vừa mới sinh con được gần 02 tháng, con bị bệnh tim bẩm sinh; Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về quyết định hình phạt: Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, các bị cáo không có sự tổ chức, cấu kết chặt chẽ nhưng cần phải phân tích đánh giá vai trò để có mức án phù hợp:

[6.1] Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T là quản lý của cửa hàng xe máy, chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động kinh doanh của Cửa hàng. Với mục đích chiếm đoạt tiền của Công ty, T đã lập “không” đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, kiêm đề nghị, kiêm hợp đồng phát hành, sử dụng thẻ tín dụng quốc tế và cấp tín dụng qua thẻ bằng phương tiện điện tử (viết tắt là Hợp đồng vay vốn) đối với sản phẩm là xe máy cũ trả góp. T sử dụng nhiều hình thức khác nhau như: Quảng cáo trúng thưởng, mở thẻ tín dụng, vay trả góp,... để tìm những người dân (chủ yếu trên 20 tuổi) đưa đến Cửa hàng

để thu thập thông tin cá nhân. Khi người dân mang giấy tờ cá nhân, sổ hộ khẩu đến cửa hàng, các đối tượng sẽ tiến hành chụp các giấy tờ trên rồi sau đó sử dụng phương tiện điện tử để chỉnh sửa thông tin (năm sinh, số CMND) người dân trên hình ảnh các giấy tờ cá nhân, sổ hộ khẩu đã được chụp nhằm mục đích đủ điều kiện được vay vốn theo quy định của Công ty, chiếm đoạt của Công ty 1.749.000.000 đồng. Như vậy, bị cáo T có vai trò chính, chủ mưu, cầm đầu, cũng là bị cáo được hưởng lợi nhiều nhất từ hành vi phạm tội. Nên khi quyết định hình phạt, cần có mức án nghiêm khắc nhất.

[6.2] Bị cáo Trần Thanh N2 là người của Công ty tài chính, trực tiếp làm việc tại cửa hàng xe máy, lẽ ra bị cáo phải thực hiện đúng quy trình giám sát hoạt động của Công ty nhưng vì lợi ích cá nhân, Trần Thanh N2 trực tiếp tham gia tạo lập 39 hợp đồng vay vốn không (từ số 01 - số 39), giúp cho Nguyễn Thụy Thu T chiếm đoạt tiền của Công ty, gây thiệt hại 1.443.000.000 đồng/1.749.000.000 đồng, bị cáo được hưởng lợi 148.000.000 đồng. Vai trò của bị cáo N2 là đồng phạm giúp sức. Tuy nhiên, bản thân bị cáo bị ảnh hưởng, tác động bởi nơi đặt địa bàn hoạt động (Cửa hàng xe máy), số tiền gây thiệt hại và chiếm đoạt ít hơn bị cáo T. Sau khi phạm tội đã nhận thức rõ sai phạm, tích cực nộp lại số tiền hưởng lợi nhiều hơn số tiền thực nhận (228 triệu đồng/148 triệu đồng).

Xét: Bị cáo N2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ở khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và vai trò của bị cáo trong vụ án như đã phân tích trên, thấy có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng, hình phạt ở đầu khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự (07 năm – 15 năm) là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng V yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại là 1.749.000.000 đồng.

Xác định, thiệt hại phát sinh do các bị cáo thực hiện tội phạm gây ra nên các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại tương ứng với số tiền chiếm đoạt. Chia phần: Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T có nghĩa vụ bồi thường 1.601.000.000 đồng, khấu trừ 100 triệu đồng đã nộp, buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 1.501.000.000 đồng; Bị cáo Trần Thanh N2 có nghĩa vụ bồi thường 148.000.000 đồng, được trừ vào 228.000.000 triệu đồng đã nộp, trả 80.000.000 đồng còn lại cho bị cáo N2 do nộp thừa.

Tiếp tục tạm giữ của Nguyễn Thụy Thu T 100.000.000 đồng; Trần Thanh N2 228.000.000 đồng (đã nộp) để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại như nhận định trên.

[7] Về xử lý vật chứng: Không.

[8] Các vấn đề khác:

[8.1] Đối với Nhữ Văn Th3, Trịnh Ngọc Tr, Nguyễn Trọng Ph:

Theo lời khai của bị cáo T, Th3 là đối tượng giúp sức tích cực cho T trong việc lập “khổng” hồ sơ vay vốn và nhận được tiền “ăn chia” thông qua tài khoản ngân hàng. Các đối tượng Tr, Ph được Th3 trả công để đưa người dân tới Cửa hàng để thực hiện việc vay “bùng” (vay không cần phải trả lại tiền). Quá trình điều tra đến nay chưa làm việc được với Thiêm do Thiêm đã bỏ đi khỏi địa phương, không xác định được đi đâu, làm gì, không xác định được nội dung số tiền bị cáo T chuyển cho Th3 có phải là tiền chiếm đoạt của Công ty hay không. Các đối tượng Tr, Ph không biết T và N2 ; chỉ biết Th3 trả công để đưa người dân tới Cửa hàng thực hiện việc lập khổng hồ sơ vay vốn mua xe máy cũ trả góp.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan đến các đối tượng Th3, Tr, Ph để tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

[8.2] Đối với Nguyễn Lữ Thu H11, Nguyễn A3, Trần Thanh S1 đã đứng tên tạo lập “khổng” 06 hợp đồng (từ số 40 đến số 45). Tuy nhiên, H11, A3, S1, không tham gia bàn bạc với bị cáo T thực hiện hành vi lập “khổng” hợp đồng vay vốn nhằm chiếm đoạt tiền của Công ty mà do tin tưởng có xe máy tại cửa hàng nên không kiểm tra xe máy, giấy tờ, thông tin khách hàng trên thực tế mà vẫn lập hồ sơ; không có căn cứ xác định động cơ vụ lợi cá nhân. Do đó, không đủ cơ sở để xem xét trách nhiệm hình sự đối với H11, A3, S1 với vai trò đồng phạm trong vụ án.

[8.3] Đối với những người dân đứng tên trên các hợp đồng vay vốn bị các đối tượng dụ dỗ, lôi kéo đến Cửa hàng để lập “khổng” hợp đồng vay vốn dưới nhiều hình thức khác nhau như trúng thưởng, hỗ trợ Covid, mở thẻ tín dụng,... để nhận tiền. Những người dân trên không tham gia bàn bạc từ trước với nhóm các đối tượng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; không biết được phương thức, thủ đoạn chiếm đoạt tài sản của các đối tượng nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[8.4] Đối với các hợp đồng vay vốn còn lại do Công ty cung cấp, qua tra cứu xác định thông tin chủ sở hữu phương tiện trùng khớp với thông tin trên hợp đồng vay vốn; đồng thời không xác định được việc có hay không có xe máy tại thời điểm lập hợp đồng vay vốn nên chưa đủ cơ sở để xác định việc chiếm đoạt tiền giải ngân đối với các hợp đồng vay vốn này.

[8.5] Đối với các hợp đồng vay vốn liên quan đến Cửa hàng xe máy Thanh Sơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa đã ra Quyết định tách hành vi và tài liệu liên quan để xử lý, giải quyết theo nguồn tin tố giác về tội phạm.

Việc xử lý các nội dung trên của cơ quan điều tra là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ý kiến của người bào chữa cho các bị cáo: Về các tình tiết giảm nhẹ là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền có nghĩa vụ tiếp tục bồi thường thiệt hại: 1.501.000.000 đồng (án phí: 36.000.000 đồng + 03% của phần vượt quá 800.000.000 đồng), Trần Thanh N2 đã bồi thường đủ trước khi mở phiên tòa nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Tuyên bố:* Các bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

* *Áp dụng:* Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

* *Xử phạt:* Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T 12 (Mười hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2023.

* *Áp dụng:* Điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

* *Xử phạt:* Bị cáo Trần Thanh N2 07 (Bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày đi thi hành án.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về bồi thường thiệt hại dân sự.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V: 1.749.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm bốn mươi chín triệu đồng), chia phần:

- Buộc bị cáo Nguyễn Thụy Thu T có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V: 1.601.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm lẻ một triệu đồng), được trừ 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đã nộp, bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường 1.501.000.000 đồng (một tỷ năm trăm lẻ một triệu đồng).

- Buộc bị cáo Trần Thanh N2 bồi thường cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V: 148.000.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu đồng), được trừ vào 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng) đã nộp, bị cáo N2 đã nộp đủ. Trả lại 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) (còn thừa) cho bị cáo Trần Thanh N2.

Tiếp tục tạm giữ của Nguyễn Thụy Thu T 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng); Trần Thanh N2 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng) đã nộp để đảm bảo cho việc bồi thường thiệt hại.

Phòng cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Công an tỉnh Khánh Hòa có nghĩa vụ chuyển giao số tiền này cho Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa để thực hiện việc bồi thường thiệt hại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

* *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T, Trần Thanh N2 mỗi người phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thụy Thu T phải nộp 71.050.000 đồng (*Bảy mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Trần Thanh N2 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

* *Quyền kháng cáo*: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (09 - 10 - 2025). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

****Nơi nhận:***

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng;
- Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa (PC10);
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an tỉnh Khánh Hòa (PV06);
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Bách